



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQP ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: www.phuongnam.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến ngày 31/12/2021 là 110 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 25 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Lê Huy | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/11/2021 |
| | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| | | Miễn nhiệm ngày 27/11/2021 |
| • Ông Đinh Gia Lê | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/04/2019 |
| | | Miễn nhiệm ngày 27/11/2021 |
| | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/11/2021 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Bùi Thu Giang | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 16/04/2018 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2021 |
| • Ông Phạm Vĩnh Thái | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2019 |
| | | Miễn nhiệm ngày 26/03/2021 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Ông Đoàn Xuân Linh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------|-------------------|----------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/11/2021 |
| | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/09/2018 |
| | | Miễn nhiệm ngày 18/11/2021 |
| • Ông Lê Huy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| | | Miễn nhiệm ngày 18/11/2021 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--|
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Bùi Thu Giang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/11/2021 |
| • Ông Nguyễn Duy Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/10/2020
Miễn nhiệm ngày 01/06/2021 |
| • Bà Phạm Lan Anh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 20/09/2018 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 290/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 16/03/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đính kèm từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		392.385.799.742	286.849.325.355
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	66.795.281.732	79.812.470.557
1. Tiền	111		52.795.281.732	49.812.470.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.147.549.931	50.670.143.815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	107.511.525.727	42.454.541.079
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	9.653.048.958	10.826.233.720
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	464.077.747	875.228.983
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(6.481.102.501)	(3.485.859.967)
IV. Hàng tồn kho	140	10	211.934.389.588	154.011.453.109
1. Hàng tồn kho	141		232.856.596.663	171.099.807.411
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.922.207.075)	(17.088.354.302)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.508.578.491	2.355.257.874
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	2.508.578.491	2.094.146.482
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	261.111.392
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.576.691.342	106.731.279.394
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.222.369.898	22.390.369.898
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	22.222.369.898	22.390.369.898
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.297.822.244	6.406.863.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.264.544.912	6.406.863.542
- Nguyên giá	222		15.413.131.505	16.251.397.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.148.586.593)	(9.844.534.018)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.033.277.332	-
- Nguyên giá	228		1.839.737.688	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(806.460.356)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.270.131.372	47.426.736.666
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	48.270.131.372	47.426.736.666
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	770.000.000	770.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		770.000.000	770.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.016.367.828	29.737.309.288
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	28.016.367.828	29.737.309.288
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		496.962.491.084	393.580.604.749

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		237.649.705.909	153.039.083.887
I. Nợ ngắn hạn	310		232.088.814.848	136.356.109.387
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	73.044.110.758	48.853.138.692
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	4.531.261.840	8.254.521.749
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.609.619.942	2.860.266.127
4. Phải trả người lao động	314		6.072.284.928	6.034.251.540
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	40.720.472.394	8.172.096.879
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	841.704.873	406.528.311
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	89.451.379.659	49.833.436.088
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.817.980.454	11.941.870.001
II. Nợ dài hạn	330		5.560.891.061	16.682.974.500
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	5.560.891.061	16.682.974.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		259.312.785.175	240.541.520.862
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	259.312.785.175	240.541.520.862
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(11.541.426.210)	(11.541.426.210)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	137.287.474.589	103.615.017.025
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22	1.886.452.483	1.886.452.483
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	31.751.784.313	46.652.977.564
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	15.386.739.045
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.751.784.313	31.266.238.519
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		496.962.491.084	393.580.604.749

Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng


Phạm Lan Anh

Người lập


Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	690.568.556.910	610.605.501.707
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	5.223.415.235	6.470.701.621
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		685.345.141.675	604.134.800.086
4. Giá vốn hàng bán	11	25	511.748.096.652	440.064.663.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		173.597.045.023	164.070.136.744
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	676.056.153	3.096.299.912
7. Chi phí tài chính	22	27	4.861.875.956	6.267.563.730
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	4.292.455.820	4.936.087.691
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	76.328.609.763	76.210.022.246
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	43.127.377.004	35.542.182.526
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.955.238.453	49.146.668.154
11. Thu nhập khác	31	29	727.649.762	724.973.494
12. Chi phí khác	32	30	361.099.823	309.019.992
13. Lợi nhuận khác	40		366.549.939	415.953.502
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.321.788.392	49.562.621.656
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	12.066.626.569	11.892.454.765
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		38.255.161.823	37.670.166.891
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.425	3.308
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	3.425	3.308



Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	616.563.178.184	601.902.522.611
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(586.319.810.996)	(437.166.362.004)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(29.299.135.147)	(27.354.396.668)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(4.191.458.649)	(5.312.887.022)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(12.082.161.438)	(11.673.259.667)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.680.895.021	4.085.109.356
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.346.285.435)	(26.918.783.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.994.778.460)	97.561.943.033
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(4.213.839.428)	(38.056.334.748)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	1.000.000.000	272.727.273
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.966.080.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	676.088.931	1.252.906.452
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.537.750.497)	(26.564.621.023)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(11.541.426.210)
2. Tiền thu từ đi vay	33	284.164.071.347	260.400.850.577
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(255.668.211.215)	(298.187.633.889)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.980.520.000)	(16.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.515.340.132	(65.328.209.522)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(13.017.188.825)	5.669.112.488
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.812.470.557	74.143.358.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	66.795.281.732	79.812.470.557

Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng



Phạm Lan Anh

Người lập



Nguyễn Thị Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

1.4. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch như: hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội,... Do đó mà tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.5 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch, thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất 10%;
 - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	229.027.579	383.486.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.566.254.153	49.428.984.444
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	14.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	66.795.281.732	79.812.470.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh	12.691.755.048	719.383.160
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đắk Lắk	6.722.004.295	2.167.230.065
Các đối tượng khác	88.097.766.384	39.567.927.854
Cộng	107.511.525.727	42.454.541.079

Trong đó, tổng giá trị các khoản phải thu đã thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2021 là 70.000.000.000 đồng.

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	-	1.158.102.711
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	-	18.180.072
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	-	23.375.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	2.085.679.115	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	272.080.000	-
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	-	11.723.087
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	-	86.828.750
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	112.167.465	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	377.384.664	228.841.550
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.873.013.875	241.629.377
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	3.463.675.635	546.363.687
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	1.980.854.558	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	-	431.247.280
Cộng		10.164.855.312	2.746.291.514

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nhà ở và Khu đô thị	4.476.512.200	4.476.512.200
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại VHS	1.660.384.800	1.660.384.800
Công ty CP Tư vấn Xây dựng VINCOSCO	1.375.210.300	1.375.210.300
Phải trả cho các đối tượng khác	2.140.941.658	3.314.126.420
Cộng	9.653.048.958	10.826.233.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLĐ	-	-	557.116.205	-
Tạm ứng	227.197.747	-	93.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	236.880.000	-	225.080.000	-
Lãi dự thu	-	-	32.778	-
Cộng	464.077.747	-	875.228.983	-

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	168.000.000
Cộng	22.222.369.898	22.390.369.898

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam – bên liên quan của Công ty) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%). Ngày 15/12/2018, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 02 nhằm thay đổi tỷ lệ phân chia lợi nhuận trước thuế, cụ thể như sau: Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (37,5%), Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (25%), Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (37,5%).

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.135.297.365	179.948.070
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	997.475.558	791.566.638
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.092.853.861	662.783.239
- Từ 3 năm trở lên	2.255.475.717	1.851.562.020
Cộng	6.481.102.501	3.485.859.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	2.113.653.897	-
Nguyên liệu, vật liệu	57.326.090.695	926.674.940	25.703.059.555	-
Chi phí SX, KD dở dang	25.075.951.669	-	38.585.868.298	-
Thành phẩm	60.494.937.248	5.205.138.728	48.972.284.962	1.934.891.176
Hàng hóa	89.959.617.051	14.790.393.407	55.724.940.699	15.153.463.126
Cộng	232.856.596.663	20.922.207.075	171.099.807.411	17.088.354.302

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 31/12/2021 là 20.922.207.075 đồng.
- Giá trị hàng tồn kho đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2021 là 90.000.000.000 đồng

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	2.211.871.317	1.785.196.387
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách bổ trợ	296.707.174	308.950.095
Cộng	2.508.578.491	2.094.146.482

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí tổ chức bán thảo	-	31.599.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	4.581.666.667	5.560.866.667
Chi phí thuê đất (*)	23.434.701.161	24.144.843.621
Cộng	28.016.367.828	29.737.309.288

(*) Xem Thuyết minh số 37.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm			Số dư cuối năm		
	Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp
Thuế GTGT	261.111.392	-	718.651.515	442.333.904	-	15.206.219
Thuế TNDN	-	1.221.224.482	12.066.626.569	12.082.161.438	-	1.205.689.613
Thuế TNCN	-	1.639.041.645	3.952.080.557	4.202.398.092	-	1.388.724.110
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	261.111.392	2.860.266.127	16.740.358.641	16.729.893.434	-	2.609.619.942

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	15.922.364.090	329.033.470	16.251.397.560
Mua sắm trong năm	74.862.250	1.407.843.686	48.001.098	1.530.707.034
T/lý, nhượng bán	-	2.368.973.089	-	2.368.973.089
Số cuối năm	74.862.250	14.961.234.687	377.034.568	15.413.131.505
Khấu hao				
Số đầu năm	-	9.515.500.548	329.033.470	9.844.534.018
Khấu hao trong năm	22.287.756	2.768.457.274	27.178.703	2.817.923.733
T/lý, nhượng bán	-	1.513.871.158	-	1.513.871.158
Số cuối năm	22.287.756	10.770.086.664	356.212.173	11.148.586.593
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	6.406.863.542	-	6.406.863.542
Số cuối năm	52.574.494	4.191.148.023	20.822.395	4.264.544.912

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 7.992.461.763 đồng.
- Không có tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Cộng thông tin điện tử VND		Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Mua sắm trong năm	1.839.737.688	1.839.737.688	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	
Số cuối năm	1.839.737.688	1.839.737.688	
Khấu hao			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	806.460.356	806.460.356	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	
Số cuối năm	806.460.356	806.460.356	
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	1.033.277.332	1.033.277.332	

- Không có tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021
- Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Công trình kho Tân Phú Trung (*)	48.270.131.372	47.426.736.666
Cộng	48.270.131.372	47.426.736.666

(*) Công trình kho Tân Phú Trung được xây dựng tại đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số 37). Công trình hiện được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Đầu tư tài chính dài hạn**

				31/12/2021		01/01/2021	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
Cộng				770.000.000	-	770.000.000	-

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 31/12/2021. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	3.139.314.196	16.286.548.291
Công ty CP Giấy CP	13.628.144.715	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	25.505.904.658	1.269.926.648
Công ty TNHH Giấy PVH	8.439.478.962	-
Phải trả cho các đối tượng khác	22.331.268.227	31.296.663.753
Cộng	73.044.110.758	48.853.138.692

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	984.812.669	-
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	25.505.904.658	1.269.926.648
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	73.572.974	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	-	422.035.107
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	519.707.330	276.853.330
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	243.322.450	293.178.469
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	3.139.314.196	16.286.548.291
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	5.302.859.608	1.759.993.598
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	-	258.680.234
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.633.303.958	2.901.455.079
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	688.140.990	545.967.350
Cộng		39.090.938.833	24.014.638.106

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	-	1.519.973.402
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Bà Rịa - Vũng Tàu	850.397.519	1.134.277.713
Đối tượng khác	3.680.864.321	5.600.270.634
Cộng	4.531.261.840	8.254.521.749

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí phải trả về biên tập sách	4.059.196.420	393.777.804
Chi phí lãi vay phải trả	141.020.802	40.023.631
Phí bản quyền và chi phí bản thảo phải trả	33.356.606.271	6.493.597.944
Chi phí phải trả khác	3.163.648.901	1.244.697.500
Cộng	40.720.472.394	8.172.096.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	439.033.971	406.528.311
Phải trả khác	402.670.902	-
Cộng	841.704.873	406.528.311

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	49.833.436.088	284.164.071.347	250.107.119.276	83.890.388.159
Ngân hàng HSBC	39.746.090.538	193.812.940.512	181.014.860.888	52.544.170.162
Ngân hàng Standard Chartered	4.301.822.400	52.837.009.995	44.594.123.265	12.544.709.130
Ngân hàng HongLeong Bank	5.785.523.150	37.514.120.840	24.498.135.123	18.801.508.867
Vay dài hạn đến hạn trả	-	11.122.083.439	5.561.091.939	5.560.991.500
Ngân hàng HSBC (*)	-	11.122.083.439	5.561.091.939	5.560.991.500
Cộng	49.833.436.088	295.286.154.786	255.668.211.215	89.451.379.659

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	16.682.974.500	-	5.561.091.939	11.121.882.561
Ngân hàng HSBC (*)	16.682.974.500	-	5.561.091.939	11.121.882.561
Cộng	16.682.974.500	-	5.561.091.939	11.121.882.561
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	5.560.991.500
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.682.974.500	-	-	5.560.891.061
CĐKT	16.682.974.500	-	-	5.560.891.061

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số VNM 160190CM ngày 15/10/2020, với hạn mức là 32.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (30/12/2020). Mục đích vay là để chi trả đến 50% chi phí xây dựng của công trình nhà kho Tân Phú Trung. Lãi suất được sử dụng là tổng của lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 tháng/3 tháng/6 tháng/12 tháng bằng VND do Công ty lựa chọn trong Thông báo rút vốn và lãi biên tối đa là 3%.

Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà kho sẽ được hình thành trong tương lai tọa lạc tại Lô A5-2, khu A5, đường D4 & N2, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc trả nợ gốc vay được thực hiện vào ngày đáo hạn, kỳ tính lãi có thời hạn 1 tháng.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	(71.500.000)	-	119.001.756.070	1.886.452.483	-	220.816.708.553
Tăng trong năm	-	-	(11.541.426.210)	-	-	37.670.166.891	26.128.740.681
Giảm trong năm	-	-	-	15.386.739.045	-	(8.982.810.673)	6.403.928.372
Số dư tại 31/12/2020	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	103.615.017.025	1.886.452.483	46.652.977.564	240.541.520.862
Số dư tại 01/01/2021	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	103.615.017.025	1.886.452.483	46.652.977.564	240.541.520.862
Tăng trong năm	-	-	-	33.672.457.564	-	38.255.161.823	71.927.619.387
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	53.156.355.074	53.156.355.074
Số dư tại 31/12/2021	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	137.287.474.589	1.886.452.483	31.751.784.313	259.312.785.175

(*) Công ty mua lại cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐQT ngày 03/01/2020. Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua lại là 728.200 cổ phiếu.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	49.328.000.000	49.328.000.000
Cổ phiếu quỹ (tính theo mệnh giá)	7.282.000.000	7.282.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	728.200	728.200
- Cổ phiếu phổ thông	728.200	728.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.271.800	9.271.800
- Cổ phiếu phổ thông	9.271.800	9.271.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	46.652.977.564	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	38.255.161.823	37.670.166.891
Phân phối lợi nhuận	53.156.355.074	(8.982.810.673)
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	46.652.977.564	(15.386.739.045)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	33.672.457.564	(15.386.739.045)
- Chia cổ tức cho cổ đông	12.980.520.000	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này	6.503.377.510	6.403.928.372
- Trích khen thưởng phúc lợi	4.590.619.419	4.520.420.027
- Trích quỹ thù lao, khen thưởng Ban điều hành	1.912.758.092	1.883.508.345
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31.751.784.313	46.652.977.564

- Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 20/NQ-ĐHCD-SED ngày 05/04/2021.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu sách giáo dục	662.958.165.593	588.174.787.043
Doanh thu thiết bị giáo dục	14.068.955.336	4.752.704.542
Doanh thu khác (bán giấy)	11.618.708.710	15.554.146.488
Doanh thu từ hoạt động liên doanh	1.922.727.271	2.123.863.634
Cộng	690.568.556.910	610.605.501.707

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Hàng bán bị trả lại	5.223.415.235	6.470.701.621
Cộng	5.223.415.235	6.470.701.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn sách giáo dục	484.295.792.048	411.566.255.293
Giá vốn thiết bị giáo dục	13.001.223.906	4.735.773.434
Giá vốn sản phẩm khác (bán giấy)	9.707.304.105	13.145.822.468
Giá vốn hoạt động liên doanh	909.923.820	895.144.072
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	3.833.852.773	9.721.668.075
Cộng	511.748.096.652	440.064.663.342

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi	583.656.153	1.141.747.563
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	92.400.000
Chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn	-	1.575.207.081
Chiết khấu thanh toán	-	286.945.268
Cộng	676.056.153	3.096.299.912

27. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	4.292.455.820	4.936.087.691
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	569.420.136	1.331.476.039
Cộng	4.861.875.956	6.267.563.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí vận chuyển	7.774.820.118	6.208.615.101
Tiền lương và các khoản trích theo lương	21.002.702.110	19.142.048.857
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.530.758.785	484.226.626
Chi phí phát triển sản phẩm, thị trường, tập huấn	24.241.058.792	29.708.447.933
Các khoản khác	21.779.269.958	20.666.683.729
Cộng	76.328.609.763	76.210.022.246

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền lương và các khoản trích theo lương	15.930.870.252	14.185.726.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.093.625.304	917.712.831
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.995.242.534	1.112.019.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.633.928.220	8.407.895.896
Các khoản khác	12.473.710.694	10.918.827.848
Cộng	43.127.377.004	35.542.182.526

29. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập khác	582.751.693	452.246.221
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	144.898.069	272.727.273
Cộng	727.649.762	724.973.494

30. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Các khoản bị phạt thuế	284.464.212	309.019.992
Các khoản khác	76.635.611	-
Cộng	361.099.823	309.019.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.321.788.392	49.562.621.656
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD chính	49.308.984.941	48.333.902.094
- Lợi nhuận từ hoạt động liên doanh	1.012.803.451	1.228.719.562
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.206.659.677	5.068.713.904
Điều chỉnh tăng	3.299.059.677	5.161.113.904
- Chi phí không hợp lệ	2.406.290.108	4.578.099.995
- Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ	608.332.774	273.993.917
- Chi phí phạt thuế	284.436.795	309.019.992
Điều chỉnh giảm	92.400.000	92.400.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	92.400.000	92.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế	53.528.448.069	54.631.335.560
- Từ hoạt động SXKD chính	52.515.644.618	53.402.615.998
- Từ hoạt động liên doanh	1.012.803.451	1.228.719.562
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD chính	10.503.128.924	10.680.523.200
Thuế TNDN từ hoạt động liên doanh	202.560.690	245.743.912
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.066.626.569	11.892.454.765

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	10.705.689.614	10.926.267.112
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.360.936.955	966.187.653

32. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.255.161.823	37.670.166.891
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(6.503.377.510)	(6.403.928.372)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	6.503.377.510	6.403.928.372
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.751.784.313	31.266.238.519
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.271.800	9.451.356
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	3.425	3.308

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.153.520.693	110.443.679.307
Chi phí nhân công	36.933.572.362	33.327.775.598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.624.384.089	1.401.939.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.623.762.892	191.813.098.228
Chi phí khác bằng tiền	34.854.555.604	32.238.007.104
Cộng	342.189.795.640	369.224.499.694

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty chủ yếu vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dùng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	73.044.110.758	-	73.044.110.758
Chi phí phải trả	40.720.472.394	-	40.720.472.394
Vay và nợ thuê tài chính	89.451.379.659	5.560.891.061	95.012.270.720
Phải trả khác	402.670.902	-	402.670.902
Cộng	203.618.633.713	5.560.891.061	209.179.524.774

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	48.853.138.692	-	48.853.138.692
Chi phí phải trả	8.172.096.879	-	8.172.096.879
Vay và nợ thuê tài chính	49.833.436.088	16.682.974.500	66.516.410.588
Cộng	106.858.671.659	16.682.974.500,00	123.541.646.159

Công ty hiện có rủi ro thanh khoản ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.795.281.732	-	66.795.281.732
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	101.030.423.226	-	101.030.423.226
Phải thu khác	236.880.000	22.222.369.898	22.459.249.898
Cộng	168.062.584.958	22.992.369.898	191.054.954.856

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.812.470.557	-	79.812.470.557
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	38.968.681.112	-	38.968.681.112
Phải thu khác	225.080.000	22.390.369.898	22.615.449.898
Cộng	119.006.231.669	23.160.369.898	142.166.601.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng SGK, STK	2.110.406.383	3.903.590.907
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	278.081.363	278.606.818
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	135.490.908	123.316.436
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng SGK, STK	280.160.712	102.469.036
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Cung ứng lịch, STK	22.529.089	21.250.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng SGK, STK	19.405.000.436	11.882.997.530
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cung ứng lịch, STK	266.070.909	172.727.272
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Cung ứng SGK, STK	28.155.852.319	15.694.883.171
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Cung ứng SGK, STK	16.584.151.847	8.226.895.177
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	-	19.636.364
Công ty CP Học liệu	Cung ứng SGK, STK	4.488.732.947	7.392.437.856
Công ty CP Sách - TB Trường Học TP. HCM	Cung ứng SGK, STK	121.817.131.620	76.133.676.405
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng SGK, STK, TBGD	13.512.499.776	13.557.443.561
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng SGK, STK	2.969.124.447	2.906.228.238
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng SGK, STK	6.085.217.398	3.086.966.959
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng SGK	35.487.250	148.930.250
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng SGK, STK	8.442.937.969	4.907.796.710
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng SGK, STK	3.025.274.549	1.063.480.037
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng vật tư	48.009.545	49.635.800
Công ty CP Đầu Tư và Xuất Bản Giáo dục	Cung ứng lịch, STK	-	3.825.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng STK	686.604.625	871.967.280
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng vật tư	2.331.818	2.125.000
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua SGK, STK	25.671.572.396	27.422.709.879
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	242.875.187.610	64.245.354.580
	Chi phí tổ chức bán thảo	7.296.030.000	30.642.468.866
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua lịch	10.500.000	9.545.455
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua SGK, STK	1.268.534.510	1.598.453.330
Công ty CP Học liệu	Mua SGK, STK	8.034.138.480	12.543.937.638
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Mua SGK, STK	27.905.985.262	14.156.758.806
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách tham khảo	5.489.732.152	5.625.729.602
	Tiền nhuận bút, phí tác giả		1.212.124.846
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua sách bổ trợ, STK	324.638.810	2.296.606.684
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chi phí tổ chức bán thảo	1.699.717.320	5.785.523.150
	Mua SGK, STK	12.446.789.520	12.814.890.018
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua SGK, STK	5.229.701.092	5.367.767.654
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Mua SGK, STK	1.161.432.000	2.918.721.515
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua SGK, STK	5.427.819.093	6.282.728.234
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua SGK, STK	801.344.200	3.277.997.770
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	Mua SGK, STK	-	271.906.000
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Thành Phố Đà Nẵng	Mua SGK, STK	-	2.052.050
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Mua SGK, STK	-	147.786.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao của HĐQT

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Đình Gia Lê	Chủ tịch HĐQT	122.666.660	154.444.440
Phạm Vĩnh Thái	Ủy viên	20.222.220	92.222.220
Lê Huy	Phó chủ tịch HĐQT	78.444.444	124.444.444
Lê Phương Mai	Ủy viên	58.444.444	92.644.444
Bùi Thu Giang	Ủy viên	58.444.444	92.644.444
Nguyễn Thị Thu Hồng	Ủy viên	58.444.440	-

d. Tiền thưởng của HĐQT

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Đình Gia Lê	Chủ tịch HĐQT	88.888.889	88.888.889
Phạm Vĩnh Thái	Ủy viên	100.000.000	66.666.666
Lê Huy	Phó chủ tịch HĐQT	115.111.111	88.888.888
Lê Phương Mai	Ủy viên	86.888.889	66.666.666
Bùi Thu Giang	Ủy viên	75.777.778	66.666.666

e. Tiền lương của Ban Điều hành

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Lê Huy	Tổng Giám đốc	764.426.450	800.802.941
Lê Phương Mai	Phó Tổng Giám đốc	661.601.209	708.610.629
Mai Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	703.080.760	715.610.640
Bùi Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc	563.328.945	612.027.161
Phạm Lan Anh	Kế toán trưởng	581.160.467	611.234.799

f. Tiền thưởng của Ban Điều hành

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Lê Huy	Tổng Giám đốc	114.794.000	54.640.000
Lê Phương Mai	Phó Tổng Giám đốc	101.342.000	53.850.000
Mai Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	158.208.666	109.650.000
Bùi Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc	83.692.000	46.750.000
Phạm Lan Anh	Kế toán trưởng	135.549.666	90.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Cam kết thuê hoạt động

Công ty có cam kết thuê hoạt động theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054.

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng



Phạm Lan Anh

Người lập



Nguyễn Thị Phương